TAND HUYỆN TU **TỈNH LC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST Ngày 27-3-2024 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU TỈNH LC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Luyến;
Bà Nguyễn Thị Việt Hà;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa: Ông La Văn Xôm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU tỉnh LC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm: 1992; Nơi ĐKHKTT: Bản C, xã MT, huyện TU, tỉnh LC; *(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Anh Lò Văn B, sinh năm: 1992; Nơi ĐKHKTT: Bản C, xã MT, huyện TU, tỉnh LC; *(Vắng mặt không có lý do chính đáng).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2023 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lò Thị T trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn B tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn ngày 06/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU, tỉnh LC. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại bản C, xã MT, huyện TU, tỉnh LC. Sống chung hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình và bất đồng quan điểm sống, anh Lò Văn B không chịu khó làm ăn, lao động sản xuất mà thường xuyên uống rượu say rồi chửi mắng, xúc phạm chị T dẫn đến mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Lò Thị T xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lò Văn B.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Lò Thị T và anh Lò Văn B có hai con chung chưa thành niên là cháu Lò TD, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Lò Thị NY, sinh ngày 13/01/2016. Ly hôn, chị Lò Thị T có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên và không yêu cầu anh Lò Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung*:* Chị Lò Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị Lò Thị T đã nộp cho Tòa án: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 56/2014 ngày 06/8/2014; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 228/2011 ngày 11/11/2011; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 09 ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU cấp; bản sao căn cước công dân chị T, anh B và xác nhận nơi cư trú. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện TU đã thụ lý vụ án và xác minh tại nơi cư trú và đại diện hai bên gia đình chị Lò Thị T, anh Lò Văn B xác định: Anh Lò Văn B và chị Lò Thị T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Uỷ ban nhân dân xã MT, huyện TU. Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại bản Cẩm Trung 2, xã MT, huyện TU, tỉnh LC. Quá trình chung sống anh B, chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh Lò Văn B có sử dụng rượu bia, thường xuyên tụ tập, không chịu khó làm ăn, lao động sản xuất, say rượu chửi mắng vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh chị đều là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương là 46.000.000 đồng/ năm (khoảng 3.800.000 đồng/người/tháng). Anh Lò Văn B vẫn có mặt ở địa phương tại thời điểm giải quyết vụ án nhưng không có mặt tại nơi cư trú khi Toà án thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng. Do đó, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được, đồng thời thông báo, niêm yết kết quả phiên họp theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, chị Lò Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lò Văn B. Anh Lò Văn B đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của của Tòa án, gây khó khăn trong việc tống đạt các

văn bản tố tụng nhưng đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; Các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lò Thị T ly hôn với anh Lò Văn B.

Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là Lò TD, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Lò Thị NY, sinh ngày 13/01/2016 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Do chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lò Văn B có hộ khẩu thường trú tại bản Cẩm Trung 2, xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh LC. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho các đương sự theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, qua xác minh, anh Lò Văn B thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú nên không thể cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh B. Tại thời điểm tống đạt các văn bản tố tụng anh Lò Văn B vẫn có hộ khẩu thường trú tại bản Cẩm Trung 2, xã MT, huyện TU, tỉnh LC, anh B và gia đình đã được thông báo về việc Toà án nhân dân huyện TU thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn. Căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TU tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xác định vụ

án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 06/3/2024, Toà án nhân dân huyện TU mở phiên toà lần thứ nhất, anh Lò Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Ngày 27/3/2024, Tòa án mở lại phiên tòa, anh Lò Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng; chị Lò Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã MT, đại diện gia đình các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn B sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU, tỉnh LC trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn B sống chung hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh Lò Văn B thường xuyên sử dụng rượu, bia dẫn đến say rồi mắng chửi vợ con, đuổi chị T ra khỏi nhà. Mặc dù được chị T và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Mẹ đẻ anh B là bà Tòng Thị O xác nhận gia đình và bản thân anh B đã được thông báo về việc Toà án thụ lý và giải quyết việc ly hôn nhưng hiện nay anh B đi làm xa vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, bản thân bà Tòng Thị O có chứng kiến vợ chồng chị T, anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh B thường xuyên uống rượu và hiện nay chị T, anh B đã ly thân. Thời gian ly thân cháu Lò TD sống cùng bà còn cháu Lò Thị NY sống cùng chị T. Do bản thân đã già, không đảm bảo sức khoẻ cũng như các điều kiện sinh hoạt tốt nhất cho cháu Duy nên bà O có nguyện vọng để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung chưa thành niên của anh chị. Công an xã MT, huyện TU có xác nhận việc chị T, anh B thỉnh thoảng có mâu thuẫn, cãi vã nhưng chưa đến mức độ phải xử lý vi phạm hành chính.

Tòa án nhân dân huyện TU đã tiến hành mở phiên hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh B không chấp hành các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng chị Lò Thị T, anh Lò Văn B đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công

việc của gia đình và hiện nay anh chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị T là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn B.

[3.2] Về nuôi con chung: Giấy khai sinh số 228/2011 ngày 11/11/2011; số 09 ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU cấp xác định, trong thời kỳ hôn nhân, chị Lò Thị T và anh Lò Văn B có hai con chung chưa thành niên là cháu Lò TD, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Lò Thị NY, sinh ngày 13/01/2016.

Xét về điều kiện nuôi con, Anh Lò Văn B và chị Lò Thị T đều có nơi cư trú ổn định tại Cẩm Trung 2, xã MT, huyện TU; anh chị có nghề nghiệp là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương là 46.000.000 đồng/ năm (khoảng 3.800.000 đồng/người/tháng). Qua xác minh, anh Lò Văn B thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú nên không có đủ các điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Về phía chị Lò Thị T có đủ điều kiện đảm bảo việc sinh hoạt, học tập của con chung chưa thành niên.

Tại thời điểm giải quyết vụ án xác định các cháu Lò TD, Lò Thị NY đã trên 07 tuổi tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện TU tiến hành hỏi ý kiến cháu Duy, Yến. Ý kiến các con chung chưa thành niên đều muốn ở cùng với mẹ là chị Lò Thị T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Lò TD, Lò Thị NY hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị T, giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Lò Văn B cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, 227, 228, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị T, xử cho chị Lò Thị T ly hôn với anh Lò Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là cháu Lò TD, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Lò Thị NY, sinh ngày 13/01/2016 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Anh Lò Văn B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Lò Thị T theo Quyết định của Tòa án. Chị T có quyền yêu cầu anh B cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Lò Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Lò Văn B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Lò Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000758 ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện TU;
- Các đương sự (Để thi hành);
- UBND xã MT, huyện TU, tỉnh LC;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Quàng Thị Phương